TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 358/2020/KDTM-PT
Ngày: 19/5/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong

Các Thẩm phán:
Bà Vũ Thị Thu Hà
Bà Vũ Thị Hường

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 và ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLPT-KDTM ngày 06/01/2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án sơ thẩm số 69/2019/KDTM-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1630/2020/QĐ–PT ngày16/4/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần V
Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Khắc T, sinh năm 1974 và ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1974. Là đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 180/2019/VBUQ ngày 13/11/2019.

Bị đơn: Công ty TNHH X
Địa chỉ: 326 Đường số 10, Phường 9, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Lê Mỹ D, sinh năm 1997. Là đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 09/3/2020.

Người kháng cáo: Công ty TNHH X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần V (sau đây viết tắt là Công ty V) và lời trình bày đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ngày 25/7/2017, Công ty V có ký Hợp đồng mua bán số 2507/HĐMB-VTTHN/2017 để bán thép và vật tư các loại do các doanh nghiệp sản xuất cho Công ty TNHH X (sau đây viết tắt là Công ty X).

Thực hiện hợp đồng, Công ty V đã bán cho Công ty X tổng cộng ba đợt với giá trị hàng hóa cụ thể:

Ngày 26/7/2017 bán hàng hóa với giá trị là 437.922.320đồng;

Ngày 29/7/2017 bán hàng hóa với giá trị là 1.547.619.975đồng;

Ngày 18/8/2017 bán hàng hóa với giá trị là 480.586.975đồng;

Đến ngày 31/10/2017, Công ty X còn nợ Công ty V số tiền nợ gốc là 2.466.129.270đồng (theo hai bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2017).

Hai bên thỏa thuận là sau khi nhận hàng, Công ty X phải thanh toán cho Công ty V số tiền nêu trên trong thời hạn 30 ngày, nếu quá hạn phải chịu lãi suất 0,05%/ngày trên tổng số tiền quá hạn trong suốt thời gian quá hạn. Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Quá trình giải quyết phía bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 240.000.000đồng (trả làm hai đợt: đợt 01 là 90.000.000đồng, đợt 02 là 150.000.000đồng).

Tính đến ngày 14/11/2019, Công ty X còn nợ số tiền mua hàng là 2.226.129.270đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 937.732.239đồng (lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng là 0.05%/ngày). Công ty V yêu cầu Công ty X trả số tiền mua hàng còn nợ nêu trên khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là Công ty X có người đại diện theo ủy quyền là ông Đinh Văn V trình bày:

Công ty X thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hợp đồng mua bán giữa Công ty V và Công ty X; thống nhất số tiền mua hàng chưa thanh toán là 2.226.129.270đồng và số tiền lãi do chậm thanh toán là 937.732.239đồng nhưng đề nghị nguyên đơn giảm 50% số tiền lãi vì bị đơn gặp rủi ro kinh doanh dẫn đến việc chậm trả tiền nợ cho nguyên đơn. Nếu nguyên đơn không đồng ý thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, bị đơn sẽ trả số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 69/2019/KDTM-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty X trả cho Công ty V số tiền vốn là 2.226.129.270đồng và tiền lãi tính đến ngày 14/11/2019 là 937.732.239đồng, tổng cộng vốn và lãi là 3.163.861.509đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/11/2019, Công ty X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét khoản tiền nợ gốc và nợ lãi.

***Tại phiên tòa phúc thẩm**:*

Bị đơn là Công ty X có người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Lê Mỹ D trình bày:

Ngày 31/10/2017, hai bên đã ký biên bản đối chiếu công nợ, cụ thể:

- Hóa đơn số 0008126: Ngày giao hàng là ngày 26/7/2017, nợ là 437.922.320đồng, hạn thanh toán là 25/8/2017.

- Hóa đơn số 0008205: Ngày giao hàng là 29/7/2017, nợ là 1.547.619.975đồng, hạn thanh toán là 28/8/2017.

- Hóa đơn số 0009007: Ngày giao hàng là 18/8/2017, nợ 480.586.975đồng, hạn thanh toán là 17/9/2017.

Hai bên thống nhất công nợ gốc tiền hàng của hợp đồng này đến ngày 31/10/2017 là 2.466.129.270đồng.

Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong bản đối chiếu sẽ được thực hiện theo hợp đồng mua bán nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã thanh tóan 240.000.000đồng (gồm 90.000.000đồng trả vào ngày 14/02/2018 và 150.000.000đồng vào ngày 06/12/2018). Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/11/2019), bị đơn còn nợ tiền hàng chưa thanh toán là 2.226.129.270đồng.

Tại Điều 4 của hợp đồng mua bán quy định: "Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B 100% giá trị tiền hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao nhận hàng hóa. Quá hạn thanh toán bên A phải chịu lãi suất 0.05%/ngày trên tổng số tiền quá hạn trong suốt thời gian quá hạn."

Công ty X đồng ý mức lãi suất và số tiền lãi chậm trả theo thỏa thuận tại hợp đồng như đại diện nguyên đơn trình bày tại bảng trình bày yêu cầu khởi kiện ngày 14/11/2019 và tổng số tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 937.732.239đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty X kháng cáo yêu cầu được trả dần số nợ gốc tiền mua hàng và được miễn tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ với lý do gặp rủi ro trong kinh doanh.

Nguyên đơn là Công ty V có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn K (ông K có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa ngày 19/5/2020) và ông Hồ Khắc T thống nhất trình bày:

Công ty V không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của Công ty X, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên trình bày ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Quá trình từ khi thụ lý đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật và có ủy quyền hợp lệ theo các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, nhận thấy theo hợp đồng các bên có thỏa thuận mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ là 0,05%/ngày (18%/năm) là phù hợp với khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét thấy, yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để được chấp nhận. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Nguyên đơn là Công ty V có ký Hợp đồng mua bán số 2507/HĐMB-VTTHN/2017 ngày 25/7/2017 để bán thép và vật tư các loại do các doanh nghiệp sản xuất cho bị đơn là Công ty X. Tính đến ngày 14/11/2019, Công ty X còn nợ Công ty V số tiền mua hàng chưa thanh toán là 2.226.129.270đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 937.732.239đồng.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, Công ty X thừa nhận số nợ tiền mua hàng chưa thanh toán và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng như quyết định của bản án sơ thẩm, nhưng kháng cáo nêu rằng do Công ty X gặp rủi ro trong kinh doanh nên yêu cầu được trả dần số nợ tiền mua hàng và được miễn tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nêu trên.

Xét thấy, ý kiến kháng cáo của Công ty X yêu cầu được trả dần số tiền mua hàng và được miễn tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ không được nguyên đơn đồng ý.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả số tiền mua hàng chưa thanh toán nêu trên là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 50 Luật Thương mại và buộc bị đơn trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất 0.05%/ngày (18%/năm) là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 306 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm như yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí: Công ty X phải chịu án phí sơ thẩm, án phí phúc thẩm theo quy đinh tại Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm a khoản Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH X trả cho Công ty Cổ phần V số tiền là 3.163.861.509đồng, trong đó bao gồm 2.226.129.270đồng tiền mua hàng còn nợ chưa thanh toán và 937.732.239đồng tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 14/11/2019.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận theo hợp đồng nêu trên.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại:

Công ty TNHH X phải chịu 95.277.230đồng.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty Cổ phần V đã nộp là 43.838.102đồng theo biên lai thu số 0029489 ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại:

Công ty TNHH X phải chịu 2.000.000đồng, được trừ vào số tiền 2.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0025155 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phong